

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG
HỘI ĐỒNG THI CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ KỲ THI CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
NGÀY THI: 10,11/10/2020

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành		
1	CNTT01	Tạ Hồng Anh	19/09/1997	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,7	7,0	Đạt	
2	CNTT02	Ngô Thị Ngọc Ánh	10/01/1998	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	7,0	Đạt	
3	CNTT03	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	18/06/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	6,5	Đạt	
4	CNTT04	Lê Văn Chiến	06/01/1990	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,5	7,0	Đạt	
5	CNTT05	Nguyễn Thị Dung	02/10/1991	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	5,5	Đạt	
6	CNTT06	Nguyễn Thị Điệp	25/06/1979	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	6,2	7,0	Đạt	
7	CNTT07	Nguyễn Văn Định	23/05/1986	Bắc Giang	Nam	Nùng	-	-	-	Vắng thi
8	CNTT08	Hoàng Thị Hải	25/12/1989	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	7,0	Đạt	
9	CNTT09	Nguyễn Thị Hải	01/04/1987	Bắc Giang	Nữ	Kinh	-	-	-	Vắng thi
10	CNTT10	Nguyễn Ngọc Hạnh	02/09/1981	Tây Ninh	Nam	Kinh	7,7	6,5	Đạt	
11	CNTT11	Hoàng Minh Hằng	14/03/1991	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,0	7,0	Đạt	
12	CNTT12	Vương Thị Hậu	14/04/1984	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,2	7,5	Đạt	
13	CNTT13	Giáp Thu Hiền	20/11/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,0	6,5	Đạt	
14	CNTT14	Nguyễn Thị Bích Hiền	24/09/1980	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	6,0	Đạt	
15	CNTT15	Tạ Thị Thu Hiền	21/08/1988	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,7	7,0	Đạt	
16	CNTT16	Nguyễn Văn Hiếu	09/02/1990	Quảng Ninh	Nam	Kinh	6,0	6,0	Đạt	
17	CNTT17	Đặng Đức Hoat	22/02/1995	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,7	7,5	Đạt	
18	CNTT18	Nguyễn Thị Hồng	05/06/1989	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,5	7,0	Đạt	
19	CNTT19	Từ Quốc Huân	27/09/2000	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,5	6,5	Đạt	
20	CNTT20	Trần Văn Hùng	06/09/1983	Bắc Giang	Nam	Hoa	6,0	6,5	Đạt	
21	CNTT21	Nguyễn Thị Minh Hương	07/04/1986	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	7,0	Đạt	
22	CNTT22	Nguyễn Thị Phương Khánh	29/07/1996	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,0	7,0	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
23	CNTT23	Phạm Đức	Khởi	25/02/2000	Hải Dương	Nam	Kinh	7,7	7,0	Đạt	
24	CNTT24	Ngô Thị Mai	Liên	13/02/1981	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	6,5	Đạt	
25	CNTT25	Nguyễn Thị	Liên	28/09/1995	Thái Bình	Nữ	Kinh	8,0	7,0	Đạt	
26	CNTT26	Lê Đức	Long	30/01/1990	Bắc Giang	Nam	Kinh	8,0	6,0	Đạt	
27	CNTT27	Hoàng Thị	Lợi	22/12/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	8,0	Đạt	
28	CNTT28	Vi Thị Hoa	Mận	14/06/1996	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,5	7,5	Đạt	
29	CNTT29	Đặng Thị Thúy	Mùi	30/05/1991	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,2	6,0	Đạt	
30	CNTT30	Trần Nguyễn Hà	My	14/11/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,7	6,5	Đạt	
31	CNTT31	Chu Thị	Ngát	13/11/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,0	7,0	Đạt	
32	CNTT32	Hoàng Thị	Nguyệt	21/03/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,2	6,0	Đạt	
33	CNTT33	Nguyễn Văn	Phúc	29/08/1982	Bắc Giang	Nam	Kinh	8,0	6,5	Đạt	
34	CNTT34	Trương Thị	Tân	08/02/1991	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	6,5	Đạt	
35	CNTT35	Lương Ngọc	Thảo	04/07/1996	Bắc Giang	Nữ	Kinh	-	-	-	Vắng thi
36	CNTT36	Nguyễn Thị	Thơm	15/02/1995	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,7	7,0	Đạt	
37	CNTT37	Nguyễn Thị	Thúy	26/06/1989	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	7,0	Đạt	
38	CNTT38	Nghiêm Thị	Thùy	12/06/1984	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	7,0	Đạt	
39	CNTT39	Nguyễn Thị	Toan	07/01/1986	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	6,5	Đạt	
40	CNTT40	Nguyễn Thị	Anh	28/09/1993	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,5	6,5	Đạt	
41	CNTT41	Trần Thị	Ánh	11/09/1995	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,0	6,0	Đạt	
42	CNTT42	Ngô Thế	Dũng	22/05/1981	Bắc Giang	Nam	Kinh	8,2	5,5	Đạt	
43	CNTT43	Hoàng Thị	Duyên	30/10/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,5	5,5	Đạt	
44	CNTT44	Trần Thị	Hà	13/06/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,5	6,0	Đạt	
45	CNTT45	Trần Thị	Hạnh	01/04/1998	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,0	6,5	Đạt	
46	CNTT46	Ngô Thanh	Hậu	29/12/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	6,5	Đạt	
47	CNTT47	Nguyễn Thị	Hậu	03/04/1998	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,0	6,0	Đạt	
48	CNTT48	Lê Văn	Hồi	13/01/1970	Nam Định	Nam	Kinh	-	-	-	Vắng thi
49	CNTT49	Giáp Thị	Huế	25/11/1984	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,5	5,5	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
50	CNTT50	Chiêu Thị	Huyền	17/04/1999	Bắc Giang	Nữ	Tày	6,7	6,0	Đạt	
51	CNTT51	Vũ Thị Thu	Linh	01/08/1990	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,0	6,5	Đạt	
52	CNTT52	Đoàn Thị Thanh	Nga	31/08/1995	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	6,5	Đạt	
53	CNTT53	Từ Thị Thanh	Nga	14/09/1982	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,7	6,0	Đạt	
54	CNTT54	Hoàng Hương	Ngọc	27/07/1988	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,2	6,0	Đạt	
55	CNTT55	Từ Thị Hồng	Nhung	01/06/1979	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	6,5	Đạt	
56	CNTT56	Lý Thị	Phương	01/12/1999	Bắc Giang	Nữ	Sán Chí	7,2	6,0	Đạt	
57	CNTT57	Đinh Thị	Phượng	06/10/1995	Bắc Giang	Nữ	Tày	8,0	5,5	Đạt	
58	CNTT58	Nguyễn Thị Thanh	Quyên	12/12/1982	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,2	6,0	Đạt	
59	CNTT59	Nguyễn Thị Minh	Tâm	10/01/1990	Bắc Giang	Nữ	Kinh	-	-	-	Vắng thi
60	CNTT60	Đặng Thị	Thảo	19/02/1993	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	5,5	Đạt	
61	CNTT61	Nguyễn Thị	Thảo	07/11/1991	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,0	6,0	Đạt	
62	CNTT62	Nguyễn Thị	Thảo	20/09/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,2	6,5	Đạt	
63	CNTT63	Nguyễn Thị	Thảo	06/03/1998	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	6,5	Đạt	
64	CNTT64	Thăng Thị	Thắm	30/07/1997	Bắc Giang	Nữ	Sán Dìu	6,5	6,0	Đạt	
65	CNTT65	Nguyễn Thị	Thùy	06/09/1992	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,2	5,5	Đạt	
66	CNTT66	Hà Thị	Thủy	16/09/1990	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	6,0	Đạt	
67	CNTT67	Thăng Thị	Thủy	04/12/1993	Bắc Giang	Nữ	Sán Dìu	6,2	5,5	Đạt	
68	CNTT68	Hà Huyền	Trang	20/11/1988	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,5	6,0	Đạt	
69	CNTT69	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	20/05/1989	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	6,5	Đạt	
70	CNTT70	Ma Thị	Trình	04/04/1993	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	6,5	Đạt	
71	CNTT71	Nguyễn Minh	Tuân	08/10/1985	Bắc Giang	Nam	Kinh	8,5	5,5	Đạt	
72	CNTT72	Lê Thị Tố	Uyên	19/09/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,0	6,0	Đạt	
73	CNTT73	Nguyễn Thị Thu	Uyên	13/03/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,0	5,5	Đạt	
74	CNTT74	Bùi Quang	Vũ	13/09/1982	Bắc Giang	Nam	Kinh	8,2	6,5	Đạt	
75	CNTT75	Nguyễn Xuân	Vụ	06/12/1981	Bắc Giang	Nam	Kinh	8,5	6,5	Đạt	
76	CNTT76	Lý Thị	Xuân	22/08/1993	Bắc Giang	Nữ	Sán Chí	6,5	6,0	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
77	CNTT77	Nguyễn Ngọc	Yên	10/11/1990	Bắc Giang	Nữ	Kinh	-	-	-	Vắng thi
78	CNTT78	Nông Ngọc	Ánh	03/03/1996	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,2	7,0	Đạt	
79	CNTT79	Ngụy Văn	Bắc	15/11/1994	Lạng Sơn	Nam	Tày	-	-	-	Vắng thi
80	CNTT80	Nguyễn Thị	Diễm	12/06/1990	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,0	6,5	Đạt	
81	CNTT81	Hoàng Bích	Diệp	15/03/1992	Lạng Sơn	Nữ	Tày	-	-	-	Vắng thi
82	CNTT82	Lăng Mạnh Minh	Hà	25/02/1988	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,2	7,0	Đạt	
83	CNTT83	Trịnh Thị	Hà	06/12/1990	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,0	7,5	Đạt	
84	CNTT84	Dương Thị Thu	Hằng	21/02/1982	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,7	7,0	Đạt	
85	CNTT85	Nguyễn Thị Thu	Huyền	11/04/1994	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,2	6,5	Đạt	
86	CNTT86	Nông Thị	Hương	24/11/1978	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,5	7,0	Đạt	
87	CNTT87	Hoàng Bích	Hương	10/03/1990	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,0	6,5	Đạt	
88	CNTT88	Hoàng Thúy	Minh	23/04/1973	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,7	7,0	Đạt	
89	CNTT89	Nông Văn	Ngọc	01/05/1988	Lạng Sơn	Nam	Tày	7,0	7,0	Đạt	
90	CNTT90	Lưu Văn	Quý	05/10/1978	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,7	7,5	Đạt	
91	CNTT91	Hoàng Thị	Tới	01/06/1980	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,5	7,0	Đạt	
92	CNTT92	Lù Văn	Tuân	06/07/1988	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,7	6,5	Đạt	
93	CNTT93	Bế Thị	Hạ	30/12/1979	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,5	7,5	Đạt	
94	CNTT94	Trần Thị Việt	Hà	05/11/1976	Thái Bình	Nữ	Kinh	6,5	7,0	Đạt	
95	CNTT95	Lê Thị	Hằng	22/08/1995	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,2	7,0	Đạt	
96	CNTT96	Mã Mai	Hoa	15/12/1989	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,0	6,5	Đạt	
97	CNTT97	Nguyễn Thị Thu	Hoài	03/01/1983	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	6,7	6,5	Đạt	
98	CNTT98	Lộc Thị	Hoan	06/09/1976	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,5	7,0	Đạt	
99	CNTT99	Hoàng Văn	Huân	25/06/1981	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,5	6,5	Đạt	
100	CNTT100	Vi Văn	Hùng	10/11/1971	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,7	7,5	Đạt	
101	CNTT101	Quách Thị	Hương	05/08/1987	Ninh Bình	Nữ	Kinh	6,7	7,0	Đạt	
102	CNTT102	Sái Văn	Kiên	14/12/1981	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,5	7,0	Đạt	
103	CNTT103	Chu Thị	Lan	27/02/1983	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,7	7,5	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
104	CNTT104	Vũ Tự	Lập	18/09/1997	Lạng Sơn	Nam	Kinh	7,0	7,0	Đạt	
105	CNTT105	Lý Tuấn	Liên	18/08/1983	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,7	7,0	Đạt	
106	CNTT106	Đặng Hồng	Luận	24/04/1978	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,5	7,0	Đạt	
107	CNTT107	Vì Thị	Lưu	06/11/1975	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,5	6,5	Đạt	
108	CNTT108	Hoàng Thị	Na	14/01/1981	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,7	7,5	Đạt	
109	CNTT109	Bế Thị Hải	Nga	26/05/1983	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,0	7,0	Đạt	
110	CNTT110	Hoàng Thị Bích	Ngọc	20/12/1976	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,5	6,5	Đạt	
111	CNTT111	Hoàng Thị	Ngôn	04/03/1973	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,5	7,0	Đạt	
112	CNTT112	Phan Thị	Nhâm	20/05/1985	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	6,7	7,0	Đạt	
113	CNTT113	Nông Thị	Ninh	30/07/1972	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,5	7,0	Đạt	
114	CNTT114	Vì Văn	Phúc	29/07/1973	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,5	6,5	Đạt	
115	CNTT115	Vì Văn	Phúc	26/09/1980	Bắc Giang	Nam	Tày	6,7	7,5	Đạt	
116	CNTT116	Lành Mai	Phương	23/07/1983	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,0	7,0	Đạt	
117	CNTT117	Hứa Thị	Hạnh	08/01/1979	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,5	7,5	Đạt	
118	CNTT118	Phan Thị	Hằng	24/07/1992	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,7	7,0	Đạt	
119	CNTT119	Nông Thị	Hiệp	01/09/1987	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,7	6,5	Đạt	
120	CNTT120	Hoàng Thị	Huệ	25/10/1989	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,2	7,0	Đạt	
121	CNTT121	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	18/03/1992	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	6,7	6,5	Đạt	
122	CNTT122	Nông Văn	Quang	17/08/1995	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,5	8,0	Đạt	
123	CNTT123	Hà Văn	Quỳnh	29/05/1995	Lạng Sơn	Nam	Tày	7,2	7,5	Đạt	
124	CNTT124	Mã Thị	Sinh	09/09/1970	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,7	7,0	Đạt	
125	CNTT125	Vy Văn	Sláy	06/07/1986	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,0	6,5	Đạt	
126	CNTT126	Lâm Văn	Thái	02/03/1990	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,2	7,5	Đạt	
127	CNTT127	Hoàng Văn	Thanh	11/11/1987	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,7	7,0	Đạt	
128	CNTT128	Hoàng Văn	Thanh	16/06/1995	Lạng Sơn	Nam	Tày	7,0	6,5	Đạt	
129	CNTT129	Phạm Quang	Thanh	02/04/1987	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6,7	7,5	Đạt	
130	CNTT130	Lộc Văn	Thành	16/03/1993	Lạng Sơn	Nam	Tày	7,2	7,0	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
131	CNTT131	Sái Thị	Thắm	20/02/1974	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,7	7,0	Đạt	
132	CNTT132	Nguyễn Thị Bích	Thùy	10/09/1983	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,0	7,0	Đạt	
133	CNTT133	Nguyễn Thị Huyền	Trang	20/11/1995	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,7	6,5	Đạt	
134	CNTT134	Long Hoàng	Trung	23/03/1990	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,0	6,5	Đạt	
135	CNTT135	Bê Thị	Tú	04/08/1973	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,5	7,0	Đạt	
136	CNTT136	Phạm Thanh	Tuấn	27/10/1987	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6,7	7,0	Đạt	
137	CNTT137	Phương Thị Tổ	Uyên	10/04/1989	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,2	7,0	Đạt	
138	CNTT138	Vi Thanh	Vững	21/07/1977	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,5	7,5	Đạt	
139	CNTT139	Lộc Thị	Vượng	30/05/1974	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,5	7,0	Đạt	
140	CNTT140	Giáp Thị	Yêu	21/07/1987	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,7	7,0	Đạt	
141	CNTT141	Hoàng Đình	Bách	08/04/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,5	7,0	Đạt	
142	CNTT142	Dương Công	Bắc	26/12/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,2	7,0	Đạt	
143	CNTT143	Đình Văn	Cam	18/01/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,5	6,5	Đạt	
144	CNTT144	Hoàng Thị	Chuyên	20/10/1986	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,5	6,5	Đạt	
145	CNTT145	Dương Công	Chúc	08/09/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,5	7,5	Đạt	
146	CNTT146	Dương Thị	Chung	15/03/2002	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5,2	7,0	Đạt	
147	CNTT147	Đình Quang	Cười	18/03/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,7	7,0	Đạt	
148	CNTT148	Dương Thị Quỳnh	Diễm	15/11/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5,2	6,5	Đạt	
149	CNTT149	Hoàng Thị	Diệu	28/10/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5,5	7,0	Đạt	
150	CNTT150	Đặng Tiến	Dũng	15/04/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,7	6,5	Đạt	
151	CNTT151	Lương Chí	Dũng	19/09/1977	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,5	6,0	Đạt	
152	CNTT152	Lương Đình	Dũng	07/02/2001	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,7	6,5	Đạt	
153	CNTT153	Nông Văn	Dũng	29/12/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,2	7,0	Đạt	
154	CNTT154	Nguyễn Thị	Duyên	27/10/1989	Nam Định	Nữ	Kinh	7,0	7,0	Đạt	
155	CNTT155	Dương Công	Dương	24/09/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,5	7,5	Đạt	
156	CNTT156	Hoàng Thanh	Dương	03/08/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,2	7,5	Đạt	
157	CNTT157	Hoàng Văn	Đại	06/05/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,7	7,0	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
158	CNTT158	Hoàng Nam	Đàn	14/09/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,5	7,0	Đạt	
159	CNTT159	Đinh Tiến	Đạt	17/01/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,2	6,5	Đạt	
160	CNTT160	Dương Mạnh	Đạt	22/11/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,2	6,5	Đạt	
161	CNTT161	Dương Quốc	Đạt	16/06/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,5	7,0	Đạt	
162	CNTT162	Dương Văn	Cương	20/07/1991	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,7	7,5	Đạt	
163	CNTT163	Dương Công	Định	11/01/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,5	7,0	Đạt	
164	CNTT164	Trần Minh	Đức	06/06/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,7	7,0	Đạt	
165	CNTT165	Lương Thị Thanh	Hiền	11/04/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5,5	6,5	Đạt	
166	CNTT166	Nguyễn Thị	Hiền	19/10/1982	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	6,7	7,5	Đạt	
167	CNTT167	Lương Đình	Hiện	25/10/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,5	8,0	Đạt	
168	CNTT168	Hoàng Hữu	Hiệp	13/03/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,2	7,0	Đạt	
169	CNTT169	Hoàng Minh	Hiếu	06/09/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,2	7,0	Đạt	
170	CNTT170	Hứa Văn	Hiếu	01/01/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	5,5	Đạt	
171	CNTT171	Dương Công	Hoàng	18/10/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,5	5,0	Đạt	
172	CNTT172	Lường Đình	Hoàng	17/11/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,2	5,5	Đạt	
173	CNTT173	Nguyễn Văn	Học	09/08/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,7	5,5	Đạt	
174	CNTT174	Liêu Thị	Hồng	26/01/1968	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,5	6,5	Đạt	
175	CNTT175	Lý Thị	Hợp	12/04/1987	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,7	7,0	Đạt	
176	CNTT176	Dương Thị Thu	Huê	20/07/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5,2	5,5	Đạt	
177	CNTT177	Nông Thị	Huê	28/01/1980	Thái Nguyên	Nữ	Nùng	6,5	6,5	Đạt	
178	CNTT178	Dương Hữu	Hùng	15/01/2002	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,2	5,5	Đạt	
179	CNTT179	Hoàng Văn	Hùng	28/03/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	5,0	Đạt	
180	CNTT180	Nguyễn Văn	Huy	29/09/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,7	6,0	Đạt	
181	CNTT181	Hoàng Thị	Huyền	08/06/1988	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,0	6,5	Đạt	
182	CNTT182	Hoàng Đình	Khải	18/12/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,5	5,0	Đạt	
183	CNTT183	Nguyễn Vũ	Khiêm	19/06/1973	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6,5	6,5	Đạt	
184	CNTT184	Nguyễn Thị	Khuyên	14/10/1974	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	6,5	6,0	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
185	CNTT185	Dương Văn	Lam	20/06/2002	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,5	5,5	Đạt	
186	CNTT186	Dương Công	Long	01/08/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,5	5,0	Đạt	
187	CNTT187	Hoàng Thị Ngọc	Mai	20/11/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5,7	5,5	Đạt	
188	CNTT188	Lê Thị	Mai	16/12/1991	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,0	7,0	Đạt	
189	CNTT189	Hoàng Đăng	Mạnh	03/07/1996	Lạng Sơn	Nam	Tày	7,2	7,0	Đạt	
190	CNTT190	Hoàng Doãn	Minh	15/04/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,2	5,5	Đạt	
191	CNTT191	Dương Thị Xuân	Mới	22/10/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5,7	5,5	Đạt	
192	CNTT192	Mai Văn Trọng	Nam	08/02/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,5	5,0	Đạt	
193	CNTT193	Hoàng Công	Nghĩa	08/09/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,5	5,0	Đạt	
194	CNTT194	Hoàng Bích	Ngọc	23/10/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,0	5,0	Đạt	
195	CNTT195	Dương Thị Hương	Nhài	04/11/1998	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,0	6,0	Đạt	
196	CNTT196	Dương Hữu	Phong	09/07/1976	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,5	7,5	Đạt	
197	CNTT197	Hoàng Trung	Phong	11/12/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,5	5,5	Đạt	
198	CNTT198	Hoàng Hữu	Phúc	05/01/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,2	5,0	Đạt	
199	CNTT199	Hoàng Bích	Phương	16/12/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5,2	7,0	Đạt	
200	CNTT200	Dương Công	Quân	01/02/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,7	7,0	Đạt	
201	CNTT201	Vi Văn	Quân	30/08/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,0	6,5	Đạt	
202	CNTT202	Dương Công	Quốc	15/05/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,2	6,5	Đạt	
203	CNTT203	Dương Văn	Quốc	16/09/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,7	7,0	Đạt	
204	CNTT204	Hà Thị	Quy	01/11/1981	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,7	8,0	Đạt	
205	CNTT205	Âu Văn	Sáng	20/03/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,2	7,5	Đạt	
206	CNTT206	Dương Thị	Soi	18/08/1989	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,0	6,5	Đạt	
207	CNTT207	Hoàng Đình	Sóng	02/06/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,0	7,5	Đạt	
208	CNTT208	Triệu Văn	Tân	21/05/1982	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,5	7,5	Đạt	
209	CNTT209	Hoàng Văn	Thanh	11/05/1984	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,5	7,5	Đạt	
210	CNTT210	Vũ Thị	Thanh	28/02/1981	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	6,7	7,5	Đạt	
211	CNTT211	Dương Thần	Thắng	16/12/1985	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,7	7,5	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
212	CNTT212	Hoàng Quang	Thắng	09/07/2002	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,5	7,0	Đạt	
213	CNTT213	Tô Văn	Thắng	29/11/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	7,5	Đạt	
214	CNTT214	Hoàng Quang	Thân	07/07/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,2	7,5	Đạt	
215	CNTT215	Hoàng Thọ	Tiến	01/10/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,7	7,0	Đạt	
216	CNTT216	Hoàng Văn	Trang	11/10/2002	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,7	7,5	Đạt	
217	CNTT217	Vũ Thị Huyền	Trang	13/08/1990	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	6,7	7,5	Đạt	
218	CNTT218	Bùi Quang	Trình	22/12/1978	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6,5	7,5	Đạt	
219	CNTT219	Lý Văn	Trọng	06/04/1985	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,7	7,5	Đạt	
220	CNTT220	Dương Mạnh	Trường	10/02/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,2	7,5	Đạt	
221	CNTT221	Đàm Anh	Tú	31/10/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	7,5	Đạt	
222	CNTT222	Nông Ngọc	Thực	02/10/1973	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,7	7,0	Đạt	
223	CNTT223	Dương Thanh	Tuấn	08/11/1980	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,7	6,5	Đạt	
224	CNTT224	Dương Văn	Tuyền	06/10/2002	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,0	7,5	Đạt	
225	CNTT225	Nguyễn Thị	Vinh	14/01/1978	Tuyên Quang	Nữ	Kinh	6,5	7,0	Đạt	
226	CNTT226	Nguyễn Văn	Vinh	27/09/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,0	7,0	Đạt	

Tổng số thí sinh theo danh sách: 226

Số thí sinh vắng thi: 8

Số thí sinh dự thi: 218

Số thí sinh đạt yêu cầu: 218

Số thí sinh không đạt yêu cầu: 0

Bắc Giang, ngày 19 tháng 10 năm 2020

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ

(Đã ký)

ThS. Nguyễn Ngọc Quang